

PHẦN II - ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024
MỤC 1
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

- Mã trường: **MHN**
- Địa chỉ trang thông tin điện tử: **www.hou.edu.vn**
- Địa chỉ Cổng thông tin tuyển sinh: **http://tuyensinh.hou.edu.vn**

1. Tuyển sinh đại học chính quy:

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) bao gồm:

- a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định từng ngành, chương trình đào tạo, phương thức xét tuyển;
- b) Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ hợp lệ và lệ phí (nếu có) theo quy định;
- c) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với những người tàn tật, khuyết tật, tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học, Hiệu trưởng xem xét quyết định.

1.2. Phạm vi tuyển sinh:

Trường Đại học Mở Hà Nội xét tuyển thí sinh trên cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh:

- Trường Đại học Mở Hà Nội xét tuyển căn cứ vào kết quả thi các môn văn hóa từ kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024; xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ; xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh; xét kết quả bài thi năm 2024 (bài thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức - HSA, bài thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức - HUST); xét kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu; xét kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu; sử dụng phương thức khác (nếu có).

- Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức xét tuyển theo các phương thức xét tuyển trình độ đại học năm 2024 các ngành, cụ thể như sau:

TT	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển							
			Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT - Mã 100	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) -Mã 200	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8) -Mã 301	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển -Mã 402	Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển -Mã 405	Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển -Mã 406	Sử dụng phương thức khác- Mã 500	
1	Lĩnh vực: Nghệ thuật									
1.1	Thiết kế đồ họa	HÌNH HỌA, BỐ CỤC MÀU, Ngữ văn (H00); HÌNH HỌA, Toán, Ngữ văn (H01);			X			X	X	
1.2	Thiết kế thời trang	HÌNH HỌA, Ngữ văn, Tiếng Anh (H06).			X			X	X	
2	Lĩnh vực: Kinh doanh và quản lý									
2.1	Kế toán	Toán, Vật lý, Hóa học (A00); Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01); Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01).	X							X
2.2	Tài chính - Ngân hàng	Toán, Vật lý, Hóa học (A00);	X			X				X
2.3	Quản trị kinh doanh	Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01); Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01);	X			X				X
2.4	Thương mại điện tử	Sử dụng kết quả bài thi HSA - Q00; Sử dụng kết quả bài thi HUST - K00.	X			X				X
2.5	Bảo hiểm	Toán, Vật lý, Hóa học (A00); Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01); Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01).	X							X
3	Lĩnh vực: Pháp luật									
3.1	Luật	Toán, Vật lý, Hóa học (A00); Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01);	X							X
3.2	Luật quốc tế	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00).	X							X
3.3	Luật kinh tế	Toán, Vật lý, Hóa học (A00); Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01); Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (C00); Sử dụng kết quả bài thi HSA - Q00; Sử dụng kết quả bài thi HUST - K00.	X			X				X

4	Lĩnh vực: Khoa học sự sống								
4.1	Công nghệ sinh học	Hóa học, Sinh học, Toán (B00); Hóa học, Toán, Vật lý (A00); Hóa học, Toán, Tiếng Anh (D07); Sử dụng kết quả bài thi HSA - Q00; Sử dụng kết quả bài thi HUST - K00.	x	x	x	x			x
5	Lĩnh vực: Máy tính và Công nghệ thông tin								
5.1	Công nghệ thông tin	Toán, Vật lý, Hóa học (A00); Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01); Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01); Sử dụng kết quả bài thi HSA - Q00; Sử dụng kết quả bài thi HUST - K00.	x		x	x			x
6	Lĩnh vực: Công nghệ kỹ thuật								
6.1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	Toán, Vật lý, Hóa học (A00); Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01);	x			x			x
6.2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01); Sử dụng kết quả bài thi HSA - Q00; Sử dụng kết quả bài thi HUST - K00.	x			x			x
7	Lĩnh vực: Sản xuất và chế biến								
7.1	Công nghệ thực phẩm	Hóa học, Sinh học, Toán (B00); Hóa học, Toán, Vật lý (A00); Hóa học, Toán, Tiếng Anh (D07); Sử dụng kết quả bài thi HSA - Q00; Sử dụng kết quả bài thi HUST - K00.	x	x	x	x			x
8	Lĩnh vực: Kiến trúc và xây dựng								
8.1	Kiến trúc	VẼ MỸ THUẬT, Toán, Vật lý (V00); HÌNH HỌA, Toán, Ngữ văn (V01); HÌNH HỌA, Toán, Tiếng Anh (V02).					x	x	
8.2	Thiết kế nội thất	HÌNH HỌA, BỐ CỤC MÀU, Ngữ văn (H00); HÌNH HỌA, Toán, Ngữ văn (H01); HÌNH HỌA, Ngữ văn, Tiếng Anh (H06).			x		x	x	

Khoa Hà Nội công bố. Thí sinh cần xem kỹ thủ tục đăng ký xét tuyển vào các ngành trên tại Cổng thông tin của Nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Chỉ tiêu tuyển sinh của Nhà trường đăng ký là **4.100**. Cụ thể:

TT	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3	
				Tổ hợp môn	Môn nhân đôi	Tổ hợp môn	Môn nhân đôi	Tổ hợp môn	Môn nhân đôi
1	Thiết kế đồ họa	301, 405	90	H00	Hình họa, Bó cục màu	H01	Hình Họa	H06	Hình Họa
		406	70	H00	Hình họa, Bó cục màu	H01	Hình Họa	H06	Hình Họa
2	Thiết kế thời trang	301, 405	30	H00	Hình họa, Bó cục màu	H01	Hình Họa	H06	Hình Họa
		406	20	H00	Hình họa, Bó cục màu	H01	Hình Họa	H06	Hình Họa
3	Kế toán	100, 500	260	A00	-	A01	-	D01	-
4	Tài chính - Ngân hàng	100, 500	300	A00	-	A01	-	D01	-
		402	50	Q00	-	K00	-	-	-
5	Bảo hiểm	100, 500	75	A00	-	A01	-	D01	-
6	Quản trị kinh doanh	100, 500	240	A00	-	A01	-	D01	-
		402	50	Q00	-	K00	-	-	-
7	Thương mại điện tử	100, 500	80	A00	-	A01	-	D01	-
		402	20	Q00	-	K00	-	-	-
8	Luật (Chỉ tiêu THXT C00 là 80, chỉ tiêu THXT A00, D01 là 140)	100, 500	220	A00	-	D01	-	C00	-
9	Luật kinh tế (Chỉ tiêu THXT C00 là 50, chỉ tiêu THXT A00, D01 là 130)	100, 500	180	A00	-	D01	-	C00	-
	Luật kinh tế	402	40	Q00	-	K00	-	-	-
10	Luật quốc tế (Chỉ tiêu THXT C00 là 30, chỉ tiêu THXT A00, D01 là 70)	100, 500	100	A00	-	D01	-	C00	-
11	Công nghệ sinh học	100, 301, 500	90	B00	-	A00	-	D07	-
		200	50	B00	-	A00	-	D07	-
		402	10	Q00	-	K00	-	-	-
12	Công nghệ thông tin	100, 301, 500	330	A00	-	A01	-	D01	-
		402	50	Q00	-	K00	-	-	-

TT	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3	
				Tổ hợp môn	Môn nhân đôi	Tổ hợp môn	Môn nhân đôi	Tổ hợp môn	Môn nhân đôi
13	Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	100, 500	200	A00	-	A01	-	D01	-
		402	35	Q00	-	K00	-	-	-
14	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	100, 500	180	A00	-	A01	-	D01	-
		402	30	Q00	-	K00	-	-	-
15	Công nghệ thực phẩm	100, 301, 500	90	B00	-	A00	-	D07	-
		200	50	B00	-	A00	-	D07	-
		402	10	Q00	-	K00	-	-	-
16	Kiến trúc	405	70	V00	Vẽ mỹ thuật	V01	Hình họa	V02	Hình họa
		406	50	V00	Vẽ mỹ thuật	V01	Hình họa	V02	Hình họa
17	Thiết kế nội thất	301, 405	50	H00	Hình họa, Bó cục màu	H01	Hình họa	H06	Hình họa
		406	20	H00	Hình họa, Bó cục màu	H01	Hình họa	H06	Hình họa
18	Ngôn ngữ Anh	100, 301, 500	300	D01	Tiếng Anh	-	-	-	-
19	Ngôn ngữ Trung Quốc	100, 301, 500	280	D01	Tiếng Anh	D04	Tiếng Trung	-	-
20	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100, 500	200	D01	Tiếng Anh	-	-	-	-
21	Quản trị khách sạn	100, 500	200	D01	Tiếng Anh	-	-	-	-

Trong đó mã xét tuyển, mã tổ hợp được quy định như sau:

- 100: Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT;
- 200: Sử dụng kết quả học tập cấp THPT;
- 301: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh;
- 402: Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức;
- 405: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển;
- 406: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển;
- 500: Sử dụng phương thức khác (xét tuyển dự bị đại học,...);
- Q00: Tổ hợp xét tuyển quy ước sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức;
- K00: Tổ hợp xét tuyển quy ước sử dụng kết quả bài thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức.

Handwritten signature and initials in blue ink.

9	Lĩnh vực: Nhân văn								
9.1	Ngôn ngữ Anh	TIẾNG ANH, Toán, Ngữ văn (D01).	x		x				x
9.2	Ngôn ngữ Trung Quốc	TIẾNG ANH, Toán, Ngữ văn (D01); TIẾNG TRUNG, Toán, Ngữ văn (D04).	x		x				x
10	Lĩnh vực: Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân								
10.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	TIẾNG ANH, Toán, Ngữ văn (D01).	x						x
10.2	Quản trị khách sạn		x						x
Tổng chỉ tiêu dự kiến: 4100									

Ghi chú: Ô tích dấu "x" là có áp dụng phương thức xét tuyển

- Với hình thức xét học bạ, thí sinh cần có điểm trung bình của từng môn học trong tổ hợp xét tuyển (THXT) hoặc điểm trung bình chung của các môn học dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 6,0. Điểm trung bình của môn học tham gia xét tuyển là điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn học đó. Nhà trường nhận hồ sơ xét học bạ từ ngày **02/5/2024**, thời hạn dự kiến đến **20/06/2024**, thời hạn điều chỉnh (nếu có) nhà trường sẽ thông báo trên cổng thông tin tuyển sinh (<http://tuyensinh.hou.edu.vn>).

- Các ngành có thi môn năng khiếu vẽ gồm: ngành Thiết kế nội thất, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa và ngành Kiến trúc. Các môn năng khiếu vẽ tính hệ số 2 gồm: Hình họa, Vẽ Mỹ thuật và Bố cục màu.

- Để đủ điều kiện tham gia xét tuyển vào các ngành có môn năng khiếu vẽ, thí sinh phải tham dự kỳ thi tuyển sinh môn năng khiếu vẽ do Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức (Nhà trường tổ chức thi môn Hình họa và môn Bố cục màu). Nhà trường nhận hồ sơ đăng ký dự thi năng khiếu vẽ từ ngày **15/3/2024**; thí sinh cần xem kỹ thủ tục đăng ký dự thi và ngày thi chính thức tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn> Trường Đại học Mở Hà Nội sẽ chủ động sử dụng kết quả thi năng khiếu vẽ của thí sinh, kết hợp với kết quả các môn văn hóa để xét tuyển. Thí sinh xét học bạ cần nộp hồ sơ về Trường Đại học Mở Hà Nội; thí sinh xét kết quả của Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 thì nộp hồ sơ cùng hồ sơ dự thi tốt nghiệp THPT, Trường sẽ tải kết quả thi năng khiếu vẽ lên hệ thống xét tuyển của Bộ GD&ĐT.

- Nếu không kịp tham dự kỳ thi năng khiếu vẽ do Trường tổ chức, thí sinh có thể dự thi tại các trường đại học khác trên cả nước, sau đó nộp phiếu điểm năng khiếu để tham gia xét tuyển, nhưng phải chú ý hạn nộp phiếu điểm, thời hạn nộp phiếu điểm sẽ công bố tại Cổng thông tin của Nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

Lưu ý: Các môn năng khiếu có thể được công nhận tương đương: Trang trí màu tương đương Bố cục màu (vẽ bằng màu); Hình họa tương đương Vẽ mỹ thuật (vẽ bằng chì đen).

- Thí sinh muốn xét tuyển bằng phương thức mã 402 cần tham dự bài thi HSA hoặc HUST, thời gian thi theo lịch thi của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách

Đạt

1.5. Ngưỡng đầu vào:

Trường Đại học Mở Hà Nội nhận ĐKXT của những thí sinh có tổng điểm 3 môn thi trong THXT (gồm cả điểm ưu tiên khu vực, đối tượng, không có môn nào trong THXT có kết quả từ 1,0 trở xuống) không thấp hơn Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường công bố sau khi thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024.

1.6. Các thông tin cần thiết khác:

Các ngành đào tạo đại học	Mã ngành	Văn bằng tốt nghiệp	Tổ hợp xét tuyển	Mã THXT
1. Lĩnh vực: Nghệ thuật				
Thiết kế đồ họa	7210403	Cử nhân Kỹ sư	HÌNH HỌA, BỐ CỤC MÀU , Ngữ văn; HÌNH HỌA , Toán, Ngữ văn; HÌNH HỌA , Ngữ văn, Tiếng Anh.	H00 H01 H06
Thiết kế thời trang	7210404		HÌNH HỌA, BỐ CỤC MÀU , Ngữ văn; HÌNH HỌA , Toán, Ngữ văn; HÌNH HỌA , Ngữ văn, Tiếng Anh.	H00 H01 H06
2. Lĩnh vực: Kinh doanh và quản lý				
Kế toán	7340301	Cử nhân	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	A00 A01 D01
Tài chính – Ngân hàng (Đào tạo 2 chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp và Ngân hàng thương mại)	7340201	Cử nhân	Toán, Vật lý, Hóa học; Tiếng Anh, Toán, Vật lý; Tiếng Anh, Toán, Ngữ văn; Sử dụng kết quả bài thi HSA; Sử dụng kết quả bài thi HUST.	A00 A01 D01 Q00 K00
Quản trị kinh doanh	7340101			
Thương mại điện tử	7340122			
Bảo hiểm	7340204	Cử nhân	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	A00 A01 D01
3. Lĩnh vực: Pháp luật				
Luật	7380101	Cử nhân	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý. Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý; Sử dụng kết quả bài thi HSA; Sử dụng kết quả bài thi HUST.	A00 D01 C00 A00 D01 C00 Q00 K00
Luật quốc tế	7380108			
Luật kinh tế	7380107			
4. Lĩnh vực: Khoa học sự sống				
Công nghệ sinh học (Đào tạo 5 chuyên ngành: Thực phẩm, Y-Dược, Môi trường, Nông nghiệp, Mỹ phẩm)	7420201	Cử nhân Kỹ sư	Hóa học, Sinh học, Toán; Hóa học, Toán, Vật lý; Hóa học, Toán, Tiếng Anh; Sử dụng kết quả bài thi HSA; Sử dụng kết quả bài thi HUST.	B00 A00 D07 Q00 K00

Các ngành đào tạo đại học	Mã ngành	Văn bằng tốt nghiệp	Tổ hợp xét tuyển	Mã THXT
5. Lĩnh vực: Máy tính và Công nghệ thông tin				
Công nghệ thông tin (<i>Đào tạo 4 chuyên ngành: CN phần mềm, Hệ thống thông tin, CN đa phương tiện, Mạng và an toàn hệ thống</i>)	7480201	Cử nhân Kỹ sư	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Sử dụng kết quả bài thi HSA; Sử dụng kết quả bài thi HUST.	A00 A01 D01 Q00 K00
6. Lĩnh vực: Công nghệ kỹ thuật				
Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Cử nhân Kỹ sư	Toán, Vật lý, Hóa học; Toán, Vật lý, Tiếng Anh; Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; Sử dụng kết quả bài thi HSA; Sử dụng kết quả bài thi HUST.	A00 A01 D01 Q00 K00
Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303			
7. Lĩnh vực: Sản xuất và chế biến				
Công nghệ thực phẩm	7540101	Cử nhân Kỹ sư	Hóa học, Sinh học, Toán; Hóa học, Toán, Vật lý; Hóa học, Toán, Tiếng Anh; Sử dụng kết quả bài thi HSA; Sử dụng kết quả bài thi HUST.	B00 A00 D07 Q00 K00
8. Lĩnh vực: Kiến trúc và xây dựng				
Kiến trúc	7580101	Kiến trúc sư	VẼ MỸ THUẬT , Toán, Vật lý; HÌNH HỌA , Toán, Ngữ văn; HÌNH HỌA , Toán, Tiếng Anh.	V00 V01 V02
Thiết kế nội thất	7580108	Cử nhân Kỹ sư	HÌNH HỌA, BỐ CỤC MÀU , Ngữ văn; HÌNH HỌA , Toán, Ngữ văn; HÌNH HỌA , Ngữ văn, Tiếng Anh.	H00 H01 H06
9. Lĩnh vực: Nhân văn				
Ngôn ngữ Anh	7220201	Cử nhân	TIẾNG ANH , Toán, Ngữ văn.	D01
Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Cử nhân	TIẾNG ANH , Toán, Ngữ văn; TIẾNG TRUNG , Toán, Ngữ văn.	D01 D04
10. Lĩnh vực: Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân				
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Cử nhân	TIẾNG ANH , Toán, Ngữ văn.	D01
Quản trị khách sạn	7810201	Cử nhân		

Ngôn ngữ đào tạo chính: Tiếng Việt.

1.6.1. Nguyên tắc xét tuyển:

- Xét tuyển tổng điểm 3 môn (gồm cả điểm ưu tiên, không có môn nào trong THXT có kết quả từ 1,0 trở xuống) theo từng ngành/chuyên ngành và theo từng THXT, lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

- Nguyên tắc tính **Tổng điểm xét tuyển** như sau:

Các ngành/chuyên ngành gồm 3 môn văn hóa tính hệ số 1:

$$\text{Tổng điểm xét tuyển} = (\text{Môn 1}) + (\text{Môn 2}) + (\text{Môn 3}) + [\text{Điểm UT (nếu có)}]$$

Các ngành/chuyên ngành có 1 môn tính hệ số 2:

$$\text{Tổng điểm xét tuyển} = (\text{Môn 1}) + (\text{Môn 2}) + (\text{Môn 3} \times 2) \\ + [\text{Điểm UT (nếu có)} \times 4/3]$$

Các ngành/chuyên ngành có 2 môn tính hệ số 2:

$$\text{Tổng điểm xét tuyển} = (\text{Môn 1}) + (\text{Môn 2} \times 2) + (\text{Môn 3} \times 2) \\ + [\text{Điểm UT (nếu có)} \times 5/3]$$

Tổng điểm xét tuyển làm tròn đến hai chữ số thập phân và sẽ do phần mềm máy tính tự động quy đổi về thang điểm 30 hoặc thang điểm 40 theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

- Trường áp dụng chính sách ưu tiên chung theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo khu vực và đối tượng chính sách. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau: Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên}$.

- Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

- Nhà trường xét tuyển bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng.

- Tiêu chí phụ: Nếu ở mức điểm trúng tuyển có nhiều thí sinh bằng điểm nhau, nhà trường chọn thí sinh có điểm môn thi thứ nhất cao hơn (Thứ tự môn thi tính theo thứ tự các môn trong THXT quy định tại mục 1.6; riêng THXT Q00, K00 tiêu chí phụ quy định tại Mục 1.6.2.3) ngoài các tiêu chí cứng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Kết thúc đợt xét tuyển đợt 1, nếu còn chỉ tiêu, nhà trường sẽ xét tuyển nguyện vọng bổ sung theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Trường Đại học Mở Hà Nội không quy định độ lệch điểm chuẩn giữa các THXT trong cùng một ngành/chuyên ngành. Riêng 3 ngành Luật kinh tế, Luật quốc tế và Luật tách riêng chỉ tiêu THXT C00 để xét tuyển với số lượng chỉ tiêu khoảng bằng 30% chỉ tiêu của ngành.

- Trường Đại học Mở Hà Nội không sử dụng kết quả miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong kỳ thi tốt nghiệp THPT để tuyển sinh; Trường thực hiện quy đổi điểm Ngoại ngữ cho các thí sinh có chứng chỉ quốc tế như sau:

Chứng chỉ ngoại ngữ	Điểm ngoại ngữ quy đổi sang thang điểm 10		
	9,0	9,5	10,0
Tiếng Anh			
IELTS	5.5	6.0	Từ 6.5
TOEFL iBT	65-70	71-78	Từ 79
TOEFL ITP	500-549	550-599	Từ 600
Tiếng Trung Quốc	HSK3	HSK4	Từ HSK5

Thí sinh có chứng chỉ (đang trong thời hạn có giá trị tính đến ngày **20/8/2024**) trong bảng trên và muốn sử dụng để thay thế cho môn ngoại ngữ trong THXT khi tham gia xét tuyển vào Trường thì thực hiện như sau:

+ Nộp chứng chỉ (bản sao có chứng thực hợp lệ) về phòng Quản lý Đào tạo từ ngày **01/4/2024** đến trước ngày **01/7/2024**. Thí sinh cần ghi rõ số báo danh dự thi tốt nghiệp THPT 2024 (nếu có) ở phía trên góc phải của chứng chỉ;

+ Khi nhập học thí sinh phải nộp bản gốc chứng chỉ để nhà trường kiểm tra, thí sinh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu chứng chỉ không hợp lệ;

+ Mức quy đổi điểm này chỉ có giá trị khi tham gia xét tuyển ở Trường Đại học Mở Hà Nội.

1.6.2. Điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển của phương thức sử dụng bài thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

1.6.2.1. Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức (HSA)

a. Thí sinh có Tổng điểm từ 75/150 điểm trở lên đủ điều kiện nộp hồ sơ;

b. Không có phần nào trong 3 phần của bài thi HSA (Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học) có điểm $\leq 5,0$ điểm;

c. Điểm xét tuyển = Tổng điểm bài thi HSA * 30/150 + [Điểm ưu tiên (nếu có)]

Trong đó:

- Tổng điểm bài thi HSA tính theo thang điểm 150;

- Điểm ưu tiên là tổng điểm của ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành;

1.6.2.2. Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức (HUST).

a. Thí sinh có Tổng điểm từ 50/100 điểm trở lên mới đủ điều kiện nộp hồ sơ;

b. Không có điểm từng phần thi trong bài thi HUST dưới mức quy định (Tư duy Toán học ≤ 4 điểm, Tư duy Đọc hiểu ≤ 2 điểm, Tư duy Khoa học/Giải quyết vấn đề ≤ 4 điểm)

c. Điểm xét tuyển = Tổng điểm bài thi HUST * 30/100 + [Điểm ưu tiên (nếu có)]

Trong đó:

- Tổng điểm bài thi HUST tính theo thang điểm 100;

- Điểm ưu tiên là tổng điểm của ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành;

1.6.2.3. Nguyên tắc xét tuyển, tiêu chí phụ đối với phương thức xét tuyển sử dụng bài thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

a. Nguyên tắc xét tuyển: Căn cứ vào Điểm xét tuyển (làm tròn đến chữ số thập phân thứ 2), xếp từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu theo từng ngành.

b. Tiêu chí phụ: Nếu ở mức điểm trúng tuyển có nhiều thí sinh bằng điểm nhau, nhà trường chọn thí sinh có điểm từng phần thi trong bài thi theo thứ tự ưu tiên cao hơn ngoài các tiêu chí cứng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Cụ thể như sau:

- Đối với thí sinh sử dụng bài thi HSA: Phần 1 (Tư duy định lượng), Phần 2 (Tư duy định tính), Phần 3 (Khoa học);

- Đối với thí sinh sử dụng bài thi HUST: Phần thi Tư duy Toán học, Phần thi Tư duy đọc hiểu, Phần thi Tư duy Khoa học/Giải quyết vấn đề.

c. Thí sinh chỉ đủ điều kiện trúng tuyển khi đã tốt nghiệp THPT.

1.6.3. Thí sinh xét tuyển theo mã phương thức xét tuyển 500 (đối tượng dự bị đại học)

Thí sinh đã hoàn thành dự bị đại học, có điểm tổng kết từng môn học trong tổ hợp xét tuyển hoặc điểm trung bình cộng các môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

1.6.4. Các môn tính hệ số 2:

Các môn viết chữ HOA, in ĐẬM là môn thi chính hoặc môn năng khiếu, sẽ tính hệ số 2.

1.6.5. Thời gian ĐKXT và xác nhận nhập học:

Theo lịch quy định của Bộ GD&ĐT.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

- Trường tổ chức xét tuyển sớm cho các đối tượng tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, dự bị đại học, sử dụng kết quả học tập cấp THPT, sử dụng kết quả học tập cấp THPT và kết hợp điểm thi năng khiếu để xét tuyển, sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức.

- Trường Đại học Mở Hà Nội chỉ tổ chức kỳ thi bổ trợ tuyển sinh thi môn năng khiếu vẽ (môn Hình họa và Bố cục màu), thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

- Đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển, dự bị đại học, sử dụng kết quả học tập cấp THPT, sử dụng kết quả học tập cấp THPT và kết hợp điểm thi năng khiếu để xét tuyển, sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức cần đăng ký trên cổng tuyển sinh của Trường đồng thời nộp hồ sơ đăng ký theo thông báo chi tiết tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

1.8. Chính sách ưu tiên trong xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:

- Nhà trường dành tối đa 5% chỉ tiêu cho các đối tượng tuyển thẳng.

- Chính sách ưu tiên trong xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có thông báo riêng, thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Lệ phí thi tuyển môn năng khiếu vẽ thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

Trường Đại học Mở Hà Nội thu học phí theo quy định của Nhà nước đối với trường đại học công lập tự chủ toàn diện; Chi tiết tại Phần I Đề án tuyển sinh năm 2024.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Đợt 1 Trường thực hiện theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Sau khi xét tuyển đợt 1, nếu chưa đủ chỉ tiêu Trường sẽ xét tuyển bổ sung cho đến khi đủ chỉ tiêu. Thông báo về xét tuyển bổ sung sẽ được công bố trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

1.12. Giải quyết khiếu nại, rủi ro trong công tác tuyển sinh:

Trường Đại học Mở Hà Nội thực hiện xem xét đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh khi có rủi ro trong công tác tuyển sinh theo quy định pháp luật, quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của quy chế tuyển sinh Trường.

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước: không có.

1.14. Tài chính:

- 1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp năm 2023 của Trường: 530 tỷ đồng.
- 1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 01 SV CQ/năm của năm 2023: 18 triệu đồng/SV.

1.15. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

Trung tâm Truyền thông và Tuyển sinh
Hotline: 024.6297.4545; 024.6297.4646
Email: truyenthong@hou.edu.vn

Tại Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường (<http://tuyensinh.hou.edu.vn>) có bộ phận tư vấn, hỗ trợ và giải đáp mọi thắc mắc của thí sinh.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

a) Công dân Việt Nam có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; không trong thời gian can án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

+ Đối với thí sinh (đã tốt nghiệp đại học trở lên) đăng ký dự tuyển học liên thông đại học cần có bằng tốt nghiệp đại học trở lên.

+ Đối với thí sinh (đã tốt nghiệp cao đẳng) đăng ký dự tuyển học liên thông cần có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề.

Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận của Cục Quản lý chất lượng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các cơ quan đủ thẩm quyền khác.

b) Nộp đầy đủ và đúng hạn hồ sơ đăng ký dự tuyển theo quy định của trường. Mẫu hồ sơ đăng ký dự tuyển được đăng tải tại Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

2.2. Phạm vi tuyển sinh:

Trường Đại học Mở Hà Nội tuyển sinh trên toàn quốc.

2.3. Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập toàn khóa học và điểm ưu tiên để xét tuyển.

- Mã phương thức xét tuyển: 500

- Tên phương thức xét tuyển: xét tuyển đào tạo văn bằng 2 chính quy, liên thông chính quy.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Nhà trường đăng ký 900 chỉ tiêu. Cụ thể:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Số văn bản cho phép	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
1	ĐH	7480201	Công nghệ thông tin	100	1884/TC-BT	23/04/1993	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1993
2	ĐH	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	399/QĐ-ĐHM	03/03/2018	Viện Đại học Mở Hà Nội	2018
3	ĐH	7810201	Quản trị khách sạn	100	1070/QĐ-ĐHM	19/02/2021	Trường Đại học Mở Hà Nội	2021
4	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh	50	1884/TC-BT	23/04/1993	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1993
5	ĐH	7340122	Thương mại điện tử	10	573/QĐ-ĐHM	28/02/2019	Trường Đại học Mở Hà Nội	2019
6	ĐH	7340301	Kế toán	50	1884/TC-BT	23/04/1993	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1993
7	ĐH	7380101	Luật	140	6101/KHTC	06/09/1994	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1994
8	ĐH	7380108	Luật quốc tế	40	1062/QĐ-BGDĐT	20/02/2009	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2009
9	ĐH	7380107	Luật kinh tế	90	1062/QĐ-BGDĐT	20/02/2009	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2009
10	ĐH	7220201	Ngôn ngữ Anh	140	1884/TC-BT	23/04/1993	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1993
11	ĐH	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	80	2995/QĐ-BGDĐT	15/06/2006	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006

2.5. Ngưỡng đầu vào:

Thí sinh có kết quả học tập toàn khóa học đủ điều kiện tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên tham gia đăng ký xét tuyển.

2.6. Tổ chức tuyển sinh:

Căn cứ kết quả học tập toàn khóa học (tính đến số lẻ 2 phần thập phân) và điểm ưu tiên của thí sinh để xét tuyển, sắp xếp từ cao xuống thấp. Trong trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì áp dụng tiêu chí phụ theo thứ tự như sau:

- + Người có điểm trung bình toàn khóa học (không tính điểm ưu tiên) cao hơn;
- + Người có điểm trung bình kết quả học tập các môn ngoại ngữ cao hơn;
- + Người đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành dự tuyển hơn.

2.7. Chính sách ưu tiên:

- Chính sách ưu tiên trong xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường có thông báo riêng, thí sinh xem chi tiết tại Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

- Điểm ưu tiên được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và của Trường. Trong đó khu vực ưu tiên của thí sinh được tính theo địa phương thí sinh tốt nghiệp.

2.8. Lệ phí:

- Lệ phí xét tuyển: 100.000 đ/hồ sơ
- Lệ phí xét công nhận tín chỉ: 100.000 đ/học phần.

2.9. Học phí dự kiến với sinh viên:

Trường Đại học Mở Hà Nội thu học phí theo quy định của Nhà nước đối với trường đại học công lập tự chủ toàn diện; Chi tiết tại Phần I Đề án tuyển sinh năm 2024.

2.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

- Trường thu hồ sơ và xét tuyển 4 đợt/năm.
- Trường thông báo từng đợt tuyển sinh trên Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>.

2.11. Giải quyết khiếu nại, rủi ro trong công tác tuyển sinh:

Trường Đại học Mở Hà Nội thực hiện xem xét đảm bảo quyền lợi chính đáng của thí sinh khi có rủi ro trong công tác tuyển sinh theo quy định pháp luật, quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

2.12. Thời gian đào tạo:

- Đối với các trường hợp không được xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ (xét miễn môn) thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa.
- Đối với các trường hợp được xét công nhận kết quả và chuyển đổi tín chỉ (Hội đồng xét công nhận tín chỉ của Nhà trường căn cứ kết quả học tập đã tích lũy tại chương trình đào tạo đã được cấp văn bằng, tổ chức xét công nhận tín chỉ đối với từng trường hợp), thời gian để hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được công nhận tích lũy, nhưng không ít hơn 50% thời gian thiết kế chuẩn của chương trình đào tạo.

3. Học cùng lúc hai chương trình (song bằng)

3.1. Phương thức, chỉ tiêu và thời gian tuyển sinh:

3.1.1. Phương thức tuyển sinh:

Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức xét tuyển.

3.1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Căn cứ vào số thí sinh đăng ký xét tuyển.

3.1.3. Phạm vi tuyển sinh:

Sinh viên đang theo học trong Trường Đại học Mở Hà Nội.

3.1.4. Thời gian tuyển sinh:

Đầu mỗi học kỳ trong năm học.

3.2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển:

Các sinh viên đại học chính quy đang theo học tại Trường Đại học Mở Hà Nội thỏa mãn các điều kiện sau thì được theo học song bằng:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất và sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ học phí;

b) Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng một trong hai điều kiện sau:

- Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;
- Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo, sinh viên bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

3.3. Các thông tin khác:

a) Thời gian tối đa đối với sinh viên học song bằng là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất.

b) Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương đã tích lũy trong chương trình thứ nhất. Hội đồng xét công nhận tín chỉ của Nhà trường sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể.

c) Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu đã tốt nghiệp chương trình thứ nhất.

3.4. Địa điểm nhận đơn đăng ký học song bằng và địa điểm đào tạo:

a) Sinh viên có thể nhận mẫu đơn đăng ký và nộp đơn học song bằng tại văn phòng Khoa/Viện nơi sinh viên đang học.

b) Địa điểm đào tạo các lớp song bằng cấp bằng đại học chính quy: Tại các khu giảng đường của Trường Đại học Mở Hà Nội.

3.5. Học phí:

Học phí: Chi tiết xem tại Phần I Đề án tuyển sinh năm 2024.

Cán bộ kê khai

Nguyễn Tuấn

Số ĐT: 0984624368

Email: nguyentuan1981@hou.edu.vn

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2024



PGS.TS Nguyễn Thị Nhung